TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2023
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Vạn và bà Đặng Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Phi Hùng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông *tham gia phiên toà:* Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị P; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng – vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Năm 2018 chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm trong cách làm ăn, kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc; mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, động viên nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến mức không thể chịu đựng nhau nên phải sống ly thân; hiện chị cùng các con sinh sống tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, còn anh H sinh sống tại Thôn Đ, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; chị và anh H không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, phận ai người đó sống; nay chị không muốn tiếp tục hôn nhân với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Quá trình chung sống chị và anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Trần Tuệ M (sinh ngày 24-11-2019) và Nguyễn Trần Ánh D (sinh ngày 09-11-2021). Chị

yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi đủ mười tám tuổi; chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án thông báo về việc khởi kiện và đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Nguyễn Văn H không có mặt để làm việc nên không có lời khai lưu hồ sơ.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị P vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, tại thời điểm giải quyết vụ án, bị đơn sinh sống tại Thôn Đ, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án thông báo phiên hòa giải hợp lệ nhưng bị đơn không tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và nuôi con của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, sổ đăng ký kết hôn số 100 ngày 16-11-2018 nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị P và anh H là hợp pháp.

Chị P trình bày cuộc sống chung không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2020 đến nay chị và anh H sống ly thân, phận ai người đấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn và đây là lần thứ hai chị P khởi kiện xin ly hôn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, xác định hiện tại anh H sinh sống tại Thôn Đ, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, còn chị P sinh sống tại tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Như vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị P và anh H thực sự rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[2.2] Về con chung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của chị P, có căn cứ xác định trong thời kỳ hôn nhân chị P và anh H có hai con chung là Nguyễn Trần Tuệ M, sinh ngày 24-11-2019 và Nguyễn Trần Ánh D, sinh ngày 09-11-2021.

Tại thời điểm giải quyết vụ án các con chung chưa đủ 07 tuổi và đang do chị P nuôi dưỡng; chị P có nơi sinh sống ổn định, có việc làm, có thu nhập và có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị P, giao con chung là Nguyễn Trần Tuệ M, sinh ngày 24-11-2019 và Nguyễn Trần Ánh D, sinh ngày 09-11-2021 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với anh H, quá trình giải quyết vụ án không có mặt để làm việc và trình bày nguyện vọng, điều kiện về việc nuôi con nên không có căn cứ để xem xét quyền được nuôi con của anh H.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: Chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn H.

1.2. Về nuôi con: Giao con chung là Nguyễn Trần Tuệ M, sinh ngày 24-11-2019 và Nguyễn Trần Ánh D, sinh ngày 09-11-2021 cho chị Trần Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

2. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004503 ngày 19-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP G;
- UBND xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
- Các đương sự; Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm